



Lilama 45.3

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 14 /2019/NQ-HĐQT

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Lilama 45.3.
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 03 năm 2019.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2018; Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2019:

Hội đồng quản trị thông qua và nhất trí 5/5 thông qua kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2018; Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2019 như sau:

1. Kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2018: (Có bảng chi tiết doanh thu và thu hồi vốn kèm theo)

1.1, Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ %	
				TH 2018 so với KH	TH 2018 so với TH 2017
1.	Giá trị SXKD	525.857	149.440	28,4	34,6
2.	Tổng doanh thu	410.500	114.954	28,0	34,6
3.	Lợi nhuận trước thuế	1.550	(28.894)	(1.864,2)	(1.930,4)
4.	Lợi nhuận sau thuế	1.240	(28.911)	(2.333,1)	(6.727,7)
5.	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn (%)	4,43	(82,6)	-	-
6.	Tỷ suất lợi nhuận /DT (%)	0,38	(25,1)	-	-
7.	Nộp ngân sách NN	14.960	4.537	30,3	28,3
8.	Đầu tư, XDCB	12.700	0,08	0,6	1,5
9.	Tổng quỹ lương	119.045	40.476	34,0	89,5
10.	Tổng số Lao động	1.170	397	33,9	52,9
11.	Thu nhập BQ (Trđ/Ng/tháng)	8.479	8.496	100,8	102,6
12.	Dự kiến chia cổ tức	0			

Trong năm 2018 các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch: doanh thu đạt 28% so với KH, lợi nhuận trước thuế âm 28,9 tỷ đồng, đầu tư XDCB đạt 0,6% so với KH, tổng quỹ lương đạt 34% so với KH, tổng số lao động đạt 33,9% so với KH.

1.2, Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản cố định, đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn):

Tình hình tài chính còn khó khăn nên Công ty chủ yếu tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực trang thiết bị thi công thực sự cần thiết theo nhu cầu của từng công trình do vậy giá trị đầu tư trong năm không cao, cụ thể là:

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng giá trị dự án	KH năm 2018	Thực hiện 2018	TH/KH (%)	Ghi chú
1.	DA khu bãi chứa thiết bị dịch vụ KT tại Dung Quất (GD1 + GD2)	19.392	1.000	0	0	
2.	DAĐT phương tiện thiết bị thi công đến năm 2020	16.232	3.000	80,7	2,7	
3.	Thuê mua tài chính TSCĐ	27.593	8.700	-	0	
	Tổng cộng	63.217	12.700	80,7	0,6	

Trong năm 2018 căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động SXKD, Công ty không triển khai đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị thi công như kế hoạch đã định, chỉ tập trung hoàn thiện hồ sơ mở rộng giai đoạn 2 nâng cấp cơ sở hạ tầng nhà xưởng dự án Khu bãi chứa thiết bị tại Dung Quất để mời đơn vị kiểm toán quyết toán dự án. Công tác đầu tư của Công ty luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư.

1.3, Công tác quản lý tài chính:

Đã xây dựng phương án vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng và bảo lãnh năm 2018 như sau:

- + Ngân hàng ĐT&PT Quảng Ngãi: 701 tỷ đồng
- Hạn mức tín dụng các công trình: 50 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh: 100 tỷ đồng.
- Hạn mức tín dụng của 07 Hợp đồng kinh tế Dự án chống ngập tại Thành phố Hồ Chí Minh (trừ hợp đồng Bến Nghé): 336 tỷ đồng và bảo lãnh: 215 tỷ đồng.
- + Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng: 60 tỷ đồng
- Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh: 20 tỷ đồng.
- + Ngân hàng SHB Khánh Hoà: 48,7 tỷ đồng
- Hạn mức tín dụng: 16 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh: 32,7 tỷ đồng.
- + Đối với dự án đầu tư tài sản tăng cường năng lực thiết bị: Tổ chức tín dụng chưa chấp thuận cho vay đối với các dự án đã đầu tư, vì vậy Công ty đang thực hiện từ nguồn vốn khấu hao và vốn khác để đầu tư dự án.

1.4. Công tác quản lý nợ phải thu và nợ phải trả:

a, Quản lý nợ phải thu:

Năm 2018 Công ty tiếp tục gặp khó khăn về tài chính, nhiều công trình việc quyết toán kéo dài dẫn đến nợ phải thu cao, tồn đọng nợ khó đòi. Công ty đã mở sổ theo dõi công nợ phải thu chi tiết cho từng đối tượng nợ, công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Tổng công nợ phải thu: 190.387 triệu đồng, Trong đó: Nợ phải thu khách hàng: 171.555 triệu đồng, chi tiết:

- Nợ có khả năng thu hồi: 109.444 triệu đồng
- Giá trị chờ bảo hành, quyết toán: 56.815 triệu đồng
- Nợ phải thu khó đòi: 5.294 triệu đồng
- Nợ phải thu không có khả năng thu: 0 triệu đồng

Trong năm Công ty đã thu hồi được khoản nợ phải thu khó đòi từ Công ty CP năng lượng Mai Linh 3.221 triệu đồng, Hội đồng xử lý công nợ phải thu khách hàng đã thông qua Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận xoá nợ tiền lãi cho Công ty CP năng lượng Mai Linh, việc thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật, khoản nợ còn lại của Công ty TNHH xây lắp điện Hưng Phúc 5.295 triệu đồng đang tiếp tục giải quyết tranh chấp, sang năm tiếp theo Công ty sẽ xem xét một số khoản nợ còn tồn đọng khác để tìm biện pháp thu hồi nhằm giảm áp lực về dòng tiền cho hoạt động SXKD của Công ty.

+ Một số chỉ tiêu đánh giá:

- Tỷ trọng nợ phải thu/ Tổng tài sản = $190.387 \text{ trđ} / 553.456 \text{ trđ} = 34,4\%$;
- Vòng quay nợ phải thu KH = $\text{Doanh thu} / \text{Nợ phải thu KH} = 114.954 \text{ trđ} / 171.555 \text{ trđ} = 0,67 \text{ lần}$;

- Hệ số Nợ phải thu khách hàng/ Phải trả người bán = $171.555 \text{ trđ} / 78.091 \text{ trđ} = 2,2 \text{ lần}$.

Do doanh thu thấp nên nợ phải thu khách hàng trong năm 2018 thấp chiếm 34,4%/ Tổng tài sản của Công ty; tốc độ thu hồi nợ ở mức thấp thể hiện ở số vòng quay nợ phải thu so với doanh thu năm 2018 (0,6 lần).

b, Các khoản nợ phải trả :

Công ty đã mở sổ theo dõi công nợ phải trả chi tiết cho từng đối tượng nợ đến thời điểm 31/12/2018 Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ đầy đủ theo quy định.

- Tình hình Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo như sau:

Tổng nợ phải trả: 505.627 triệu đồng, Trong đó:

- + Nợ ngắn hạn: 504.942 triệu đồng.
- + Nợ dài hạn: 685 triệu đồng.

Tổng số tiền nợ ngân sách và Bảo hiểm đến 31/12/2018: 15.732 triệu đồng

- + Nợ ngân sách: 5.399 triệu đồng
- + Nợ BHXH: 6.813 triệu đồng
- + Nợ BHYT: 2.527 triệu đồng
- + Nợ BHTN: 993 triệu đồng

1.5, Công tác tổ chức, sử dụng lao động và tiền lương.

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2018 là: 355 người, sử dụng bình quân trong năm từ 300 người đến 400 người, trong đó lao động nữ là 12 người, kỹ sư, kỹ thuật và cử nhân 86 người, đã thực hiện trả hết lương tháng 12 trước tết nguyên đán năm 2019, thu nhập bình quân của người lao động là 8,4 triệu đồng/người/tháng.

Việc thực hiện đóng BHXH cho CBCNV- Người lao động trong Công ty: Doanh thu thấp, công nợ còn tồn đọng khó thu hồi dẫn đến nộp BHXH chưa kịp thời ảnh hưởng đến chế độ chính sách của người lao động.

1.6, Công tác triển khai thực hiện kế hoạch cổ phần hoá và tái cấu trúc của Công ty:

Công ty tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực cho phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, trong đó việc xây dựng và duy trì mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả luôn được coi là trọng tâm. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban tái cấu trúc công ty thực hiện theo đúng các quy định, nội dung chính như sau:

Trên cơ sở phát huy những ngành truyền thống, sở trường như thủy điện, nhiệt điện, điện gió... trong các năm tiếp theo công ty sẽ phát triển ngành nghề theo nhu cầu của thị trường dựa trên khả năng và năng lực thực tế để thực hiện.

Thực hiện giảm vốn chủ sở hữu Nhà nước: Đang chờ ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty lắp máy Việt Nam – CTCP để thực hiện thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Với mục tiêu trong tái cấu trúc đã đề ra: Dự nợ vay không vượt quá 3 lần vốn điều lệ, nhưng hiện nay việc giảm nợ vay vốn ngắn hạn khó thực hiện được do Công ty đang phải tập trung mọi nguồn lực để thực hiện dự án chống ngập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy việc tái cơ cấu các khoản nợ có thể phải kéo dài, khi cải thiện được tình hình tài chính Công ty sẽ cơ cấu mọi khoản nợ bằng việc tìm kiếm để thay thế các khoản vay ngắn hạn, lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn, lãi suất thấp.

Tái cơ cấu các khoản đầu tư ngoài ngành: Tổng số tiền đã góp tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: **26,1 tỷ đồng** (bao gồm 0,5 tỷ đồng tiền cổ tức trả bằng cổ phiếu) mới thoái được 5 tỷ đồng, Công ty chưa giải quyết dứt điểm được việc thoái vốn ngoài ngành 21,2 tỷ đồng do vậy phải đẩy lùi tiến độ sang năm 2019.

Thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả và năng suất lao động như: Kiện toàn cơ cấu tổ chức sản xuất; bố trí công việc linh hoạt; chú trọng đến công tác giao khoán trong sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2019.

Trên cơ sở thực hiện các hợp đồng của năm 2018, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2019 cụ thể như sau:

2.1, Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2019 /TH năm 2018 (%)	Ghi chú
1.	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	149.440	275.000	184,0%	
2.	Doanh thu	Tr.đồng	114.954	250.000	217,5%	
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(28.894)	120	(0,4%)	
4.	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(28.911)	120	(0,4%)	
5.	Lỗ chuyển tiếp	Tr.đồng	(26.535)	(26.415)	99,5%	
6.	Nộp ngân sách NN	Tr.đồng	4.537	4.582	101,0%	
7.	Đầu tư, XD/CB	Tr.đồng	80	550	687,5%	
8.	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	40.476	72.500	179,1%	
9.	Lao động bình quân	Người	397	695	175,1%	
10.	Thu nhập BQ/tháng	Tr.đồng	8.496	8.696	102,4%	
11.	Chia cổ tức	%	0	0		

TT	Tên dự án	Tổng giá trị dự án	Luỹ kế TH đến 31/12/2018	KH năm 2019	Ghi chú
1.	ĐAĐT phương tiện thiết bị thi công đến năm 2020, chi tiết TSCĐ như sau	16.232	9.553	550	
	Tổng cộng	16.232	9.553	550	

2.3, Công tác thoái vốn đầu tư ngoài ngành:

Sang năm 2019, Công ty sẽ tìm mọi biện pháp nhằm hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn theo đúng quy định của pháp luật.

2.4, Các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019:

+ Tiếp tục hoàn thiện quy chế nội bộ để hoạt động quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế; hoàn thiện mô hình tổ chức, quy trình quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn phù hợp với thực tiễn hoạt động.

- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng; thực hiện tuyển dụng và bố trí điều động nhân lực kịp thời; Bảo đảm chế độ trả lương gắn với năng suất lao động của mỗi cá nhân; thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, cải thiện đời sống sinh hoạt, bảo đảm chế độ trả lương công bằng, phù hợp, kịp thời.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng năng suất lao động, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí cho tất cả các quá trình: Biện pháp, kế hoạch, dự trù, lựa chọn nhà cung cấp, duyệt giá, mua sắm...

Tập trung công tác thu hồi công nợ và xây dựng hạn mức tín dụng đáp ứng đầy nguồn vốn cho công tác thi công.

Ưu tiên tập trung thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động: Duy trì thường xuyên, đúng kỳ hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước, thuế và trích nộp BHXH.

Điều 2: Thông qua Công tác tài chính năm 2018 đã được soát xét

+ Hội đồng quản trị thông qua và nhất trí 5/5 Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được soát xét như sau:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 276/BCKT – TC/AVA ngày 12/03/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam: Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải toàn văn trên Website của Công ty (www.lilama45-3.com), bao gồm:

- (1) Báo cáo của kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
- (3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính 2018, như sau:

Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	Số liệu tại 31/12/2018	Số liệu tại 31/12/2017	Tăng, giảm (18-17)
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	496.984.744.446	530.953.147.132	(33.968.402.686)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.858.875.172	15.474.211.363	(1.615.336.191)
3. Phải thu ngắn hạn	190.387.070.984	276.910.259.140	(86.523.188.156)
Trong đó: - Nợ phải thu khách hàng	171.555.171.775	253.488.227.084	(81.933.055.309)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.610.962.388)	(8.832.118.157)	3.221.155.769
4. Hàng tồn kho	292.486.895.273	238.568.676.629	53.918.218.644
5. Tài sản ngắn hạn khác	251.903.017	-	251.903.017
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	56.472.137.463	60.572.864.406	(4.100.726.943)
1. Các khoản phải thu dài hạn	1.880.965.000	1.891.034.000	(10.069.000)
2. Tài sản cố định	26.939.546.127	30.763.305.978	(3.823.759.851)
- Tài sản cố định hữu hình	17.701.166.874	19.162.091.029	(1.460.924.155)
+ Nguyên Giá	67.166.041.232	69.961.399.171	(2.795.357.939)
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(49.464.874.358)	(50.799.308.142)	1.334.433.784
- Tài sản cố định vô hình	-	4.583.315	(4.583.315)
+ Nguyên Giá	55.000.000	55.000.000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(55.000.000)	(50.416.685)	(4.583.315)
- Tài sản cố định thuê tài chính	9.238.379.253	11.596.631.634	(2.358.252.381)
+ Nguyên Giá	13.124.676.583	14.867.651.128	(1.742.974.545)
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(3.886.297.330)	(3.271.019.494)	(615.277.836)
4. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	25.600.000.000	25.600.000.000	-
6. Tài sản dài hạn khác	2.051.626.336	2.318.524.428	(266.898.092)
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	553.456.881.909	591.526.011.538	(38.069.129.629)
IV. NỢ PHẢI TRẢ	505.627.035.435	514.784.306.098	(9.157.270.663)
1. Nợ ngắn hạn	504.942.094.045	512.131.483.617	(7.189.389.572)
2. Nợ dài hạn	684.941.390	2.652.822.481	(1.967.881.091)
V. VỐN CHỦ SỞ HỮU	47.829.846.474	76.741.705.440	(28.911.858.966)
1. Vốn chủ sở hữu	47.829.846.474	76.741.705.440	(28.911.858.966)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-
- Thặng dư vốn cổ phần	4.277.672.000	4.277.672.000	-
- Quỹ đầu tư phát triển	33.000.546.177	32.850.136.820	150.409.357
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.087.212.068	2.065.725.017	21.487.051
- Lợi nhuận chưa phân phối	(26.535.583.771)	2.548.171.603	(29.083.755.374)
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	553.456.881.909	591.526.011.538	(38.069.129.629)

*** Tình hình tài sản:**

- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 38,0 tỷ đồng, giảm 6,4% chủ yếu là giảm tài sản lưu động cụ thể là: các khoản phải thu ngắn hạn giảm 69,1 tỷ đồng, giảm 25,% so với đầu kỳ (chủ yếu giảm nợ phải thu khách hàng 65,9 tỷ đồng, giảm tiền ứng trước cho khách hàng mua vật tư: 7,8 tỷ đồng); tuy nhiên chi phí SXKD dở dang cuối kỳ tăng 53,9 tỷ đồng, tăng 22,6% so với đầu kỳ do chưa nghiệm thu lên phiếu giá kết chuyển vào doanh thu và công nợ trong kỳ, trong đó: dự án Hangar A75 chi phí SXKD dở dang cuối kỳ: 60,9 tỷ đồng/292,0 tỷ đồng chiếm 20,8%, dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên 25,7 tỷ đồng chiếm 8,8% chi phí SXKD dở dang; dự án chống ngập TP Hồ Chí Minh chi phí SXKD dở dang 158,7 tỷ đồng, chiếm 54,3% chi phí SXKD dở dang cuối kỳ đến ngày 31/12/2018.

- Trong kỳ do thu hồi được khoản nợ xấu 3,2 tỷ đồng từ Công trình NM thủy điện La La- Quảng trị nên Công ty đã hoàn nhập khoản trích dự phòng 3,2 tỷ đồng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, do chỉ tiêu doanh thu thấp và các khoản chi phí đều cao nên trong năm 2018 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho công trình: Thủy điện Khe Giông, thủy điện Trà Xom..

- Tài sản dài hạn giảm do trong kỳ không thực hiện mua sắm tài sản cố định và có thực hiện thanh lý một số tài sản cố định.

- Nợ phải thu tăng và hàng tồn kho cao (480,0 tỷ đ/553,4 tỷ đồng chiếm 86,7%) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty.

*** Tình hình công nợ phải trả và nguồn vốn:**

- Tổng nguồn vốn giảm 38,0 tỷ đồng chủ yếu do: nợ phải trả giảm 9,1 tỷ đồng giảm 1,8%, trong đó nợ ngắn hạn giảm 7,1 tỷ đồng, giảm 1,4%, phải trả người bán tăng 4,3 tỷ đồng, tăng 5,8%, tiền ứng trước của khách hàng tăng 4,8 tỷ đồng, tăng 3,1% so với đầu kỳ, các khoản nợ các tổ chức tín dụng giảm 14,9 tỷ đồng, giảm 8,1%.

- Vốn chủ sở hữu giảm 28,9 tỷ đồng, giảm 37,7% so với đầu kỳ do lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong kỳ bị lỗ 28,9 tỷ đồng và công ty đã trích 171 triệu đồng từ lợi nhuận năm 2017 bổ sung vào các quỹ theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, vì vậy Công ty đã không bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Hệ số nợ phải trả bằng 10,6 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 195,7 tỷ đồng bằng 5,6 lần vốn điều lệ.

B. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	TH năm 2018	TH năm 2017
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	114.954.282.955	331.912.460.067
2. Giá vốn hàng bán	121.278.725.126	305.737.812.123
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	(6.324.442.171)	26.174.647.944
4. Doanh thu hoạt động tài chính	246.587.444	91.512.274
5. Chi phí tài chính	19.371.550.125	16.803.617.519
- Trong đó: Lãi vay phải trả	19.371.550.125	16.503.129.644
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.176.274.598	7.894.427.215
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	(30.625.679.450)	1.568.115.484
8. Thu nhập khác	4.319.147.273	4.472.797.606
9. Chi phí khác	2.588.038.041	4.544.120.851

10. Lợi nhuận khác	1.731.109.232	(71.323.245)
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.894.570.218)	1.496.792.239
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.288.748	1.067.051.220
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(28.911.858.966)	429.741.019
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.261)	123

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế bị lỗ 28,9 tỷ đồng, do trong kỳ kế toán Công ty đã kết chuyển giá vốn một số công trình đã thi công xong bàn giao nhưng chưa quyết toán được với Nhà thầu chính do vướng hồ sơ pháp lý, hoặc đã quyết toán nhưng do kết chuyển chi phí không phù hợp với doanh thu dẫn đến bị lỗ vào giai đoạn quyết toán, ngoài ra các khoản chi phí tài chính, chi phí quản lý ngày càng tăng không giảm.

C. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		10,20	10,24
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		89,80	89,76
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		91,36	87,03
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		8,64	12,97
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	10,57	6,71
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,40	0,57
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0,98	1,04
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		(5,22)	0,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		(25,15)	0,13
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		(46,42)	0,56
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		(82,61)	1,23

Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 0,98 nhỏ hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính chưa đảm bảo khả năng thanh toán được ngay các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017, Công ty phải sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 87,03% lên 91,36%, vì vậy Công ty tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ để giảm dư nợ vay ngắn hạn.

Năm 2018 kết quả sản xuất kinh doanh lỗ 28,9 tỷ đồng giảm hơn rất nhiều so với năm 2017. Công ty không bảo toàn được nguồn vốn kinh doanh.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là:

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{47.829.846.474}{3.500.000} = 13.665,6 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách = 13.665,6 đồng (đồng/CP)

* Do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 bị lỗ, vì vậy Công ty không lập phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2018, kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2019:

Hội đồng quản trị thống nhất và biểu quyết 5/5 đồng ý với Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2018, kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2019.

Điều 4: Thông báo thời gian Đại hội đồng cổ đông, thông qua nội dung tài liệu cho Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Hội đồng quản trị thống nhất và biểu quyết 5/5 đồng ý thông qua thời gian Đại hội đồng cổ đông và nội dung tài liệu cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

- Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông : ngày 24/04/2019.
- Địa điểm tổ chức đại hội: Hội trường tầng 3 - Công ty cổ phần Lilama 45.3 (Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi)
- Thông qua tài liệu cho Đại hội đồng cổ đông:
 - + Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo kết quả SXKD và ĐTPT năm 2018, phương hướng SXKD và ĐTPT 2019.
 - + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2018, kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2019.
 - + Báo cáo tài chính năm 2018 (Đã được kiểm toán).
 - + Tờ trình ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.
 - + Chấp thuận cho Hội đồng quản trị lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn, dự kiến hạn mức tín dụng cho năm 2019, ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng, ký hợp đồng cầm cố thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để vay vốn tại các tổ chức tín dụng năm 2019.
 - + Tờ trình phê duyệt thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019.
 - + Tờ trình phê duyệt Tổng quỹ lương năm 2019.
 - + Tờ trình phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn.
 - + Thông qua sửa đổi Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty.
 - + Thông qua các vấn đề khác thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội.

Điều 5: Thông qua Công tác chuẩn bị tái khởi động lại Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).

Hội đồng quản trị thống nhất và biểu quyết 5/5 đồng ý với phương án chuẩn bị tái khởi động lại Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1) Giao Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban điều hành

dự án, các phòng ban và đội công trình liên quan có kế hoạch cụ thể về công tác triển khai thi công và kế hoạch về vốn cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường.

Điều 6: Thông qua một số nội dung khác:

Hội đồng quản trị thống nhất và biểu quyết 5/5 đồng ý một số nội dung khác như sau:

- Tiếp tục mở rộng tiếp thị tìm kiếm việc làm, tập trung vào các dự án có khả năng cho hiệu quả cao.

- Ban Tổng giám đốc cần đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý thi công trên các công trường, quyết liệt trong công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi công nợ để có dòng tiền đáp ứng kịp thời SXKD, chi trả lương, chế độ cho CBCNV- NLD, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và trả nợ khách hàng.

- Về tình hình tài chính: Tình hình tài chính Công ty hiện nay đang rất khó khăn Ban Tổng giám đốc Công ty cần tập trung nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra và cần quan tâm hơn nữa đến công tác tài chính cho năm 2019.

- Đối với Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1) Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý dự án cần lưu ý:

+ Tập trung cao độ và quyết liệt về nhân lực, tài chính, máy móc thiết bị để đáp ứng kịp thời tiến độ thi công của Dự án.

+ Sau khi kết thúc phân chế tạo thiết bị, vận chuyển và tổ hợp đưa vào lắp đặt Ban Tổng giám đốc và Ban dự án cần lưu ý đây là lần đầu tiên Công ty tham gia dự án lắp đặt thiết bị trên địa hình trên sông nước trong đó một số hạng mục thiết bị nâng phải đứng trên xà lan và phải nâng các thiết bị có tải trọng lớn, diện tích bề mặt thiết bị lớn vì vậy Ban Tổng giám đốc và Ban dự án xem xét (nếu cần) thì thuê công ty tư vấn và chuyên gia có kinh nghiệm về việc vận chuyển và lắp đặt thiết bị nặng trên địa hình sông nước để lập biện pháp và tham gia chỉ huy khi lắp đặt thiết bị đảm bảo an toàn cho toàn dự án.

Điều 7: Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty thực hiện tốt các nội dung được Hội đồng quản trị thống nhất biểu quyết như nêu ở trên theo quy định hiện hành.

Điều 8: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Giao Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Đảng ủy, công đoàn CT;
- Ban kiểm soát;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc C.Ty;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 




CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Quốc Vương